

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 351/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Trích ngân sách tỉnh năm 2021 bổ sung kinh phí cho các đơn vị,
địa phương thực hiện Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ, chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 4205/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; số 4206/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; số 4207/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; số 4208/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; số 4209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; số 4210/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; số 64/QĐ-UBND ngày 13/01/202 về việc phê duyệt đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ nghỉ công tác theo nguyện vọng để giải quyết chế độ nghỉ hưu theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 374/TTr-STC ngày 25/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích ngân sách tỉnh năm 2021 bổ sung kinh phí cho các đơn vị, địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, số tiền: **2.212.450.586 đồng** (*Hai tỷ hai trăm mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng*), cụ thể như sau:

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐND đã giao tại Quyết định số 4199/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2021.

Điều 2. Sở Tài chính thực hiện bổ sung kinh phí và hướng dẫn các đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng nguồn kinh phí trên đúng mục đích, thanh quyết toán theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, Thủ trưởng các đơn vị, địa phương có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trịnh Việt Hùng

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CHI TRẢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2018/NQ-HĐND NGÀY 13/7/2018
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Quyết định số 351/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Chức vụ chuyên môn đang đảm nhiệm	Kinh phí thực hiện
I	Sở Y tế			206.953.425
1	Nguyễn Thị Hải Ninh	25/7/1972	Viên chức Trạm Y tế xã Văn Hán thuộc Trung tâm Y tế huyện Đồng Hỷ trực thuộc Sở Y tế	206.953.425
II	Sở Tài nguyên và Môi trường			173.700.158
1	Trần Văn Hoa	25/01/1962	Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	173.700.158
III	UBND thành phố Thái Nguyên			153.464.025
1	Phạm Thị Hồng	11/10/1966	Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Phúc Xuân thuộc UBND thành phố Thái Nguyên	153.464.025
IV	UBND thị xã Phổ Yên			866.410.989
1	Hoàng Văn Đước	1/1/1971	Viên chức Trường Tiểu học Tiên Phong II thuộc UBND thị xã Phổ Yên	349.794.453
2	Nguyễn Thanh Thúy	6/1/1984	Viên chức Trường Mầm non Sơn Ca thuộc UBND thị xã Phổ Yên	136.309.256
3	Trần Như Quỳnh	2/4/1977	Viên chức Trường Tiểu học Phúc Tân thuộc UBND thị xã Phổ Yên	192.051.633

4	Trần Thị Năng	7/8/1967	Hiệu trưởng Trường Mầm non Tân Phú thuộc UBND thị xã Phổ Yên	188.255.647
V	UBND huyện Phú Lương			206.293.680
1	Trần Hữu Quang	27/5/1975	Viên chức Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực thuộc UBND huyện Phú Lương	206.293.680
VI	UBND huyện Phú Bình			260.354.977
1	Hà Thị Thư	20/9/1966	Viên chức Trường Tiểu học Úc Kỳ thuộc UBND huyện Phú Bình	123.719.809
2	Phạm Đăng Ninh	22/12/1961	Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND huyện Phú Bình	136.635.168
VII	UBND huyện Đồng Hỷ			345.273.332
1	Triệu Tiến Hồng	16/8/1961	Công chức Văn phòng HĐND&UBND huyện Đồng Hỷ	106.736.172
2	Đỗ Thị Bình	15/9/1966	Viên chức Trường Mầm non Khe Mo thuộc UBND huyện Đồng Hỷ	146.247.716
3	Hoàng Thị Lan	27/7/1983	Viên chức Trường Mầm non Nam Hòa thuộc UBND huyện Đồng Hỷ	92.289.444
Tổng cộng:				2.212.450.586